TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - H phúc

Bản án số: 55/2021/HS-ST
Ngày 26/11/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Th phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội Th nhân dân:

1. Ông Trương Phước Công

2. Bà Hoàng Thị Thiện Lai

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bá Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Tôn Văn Xuyên - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ Th công khai vụ án hình sự sơ Th thụ lý số 02/2014/TLST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2014 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HS ngày 30 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo:

Bùi Thị T, sinh năm 1965; nơi sinh: Huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Tổ 03, ấp LH1, xã LK, huyện CM, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn L (chết) và bà Tạ Thị Bạch T1, sinh năm 1942; chồng là ông Trần Văn Đ (H), sinh năm 1970; có 02 người con tên Nguyễn Duy Ph, sinh năm 1988 và Trần Cao Phú Q, sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt, tạm giam từ ngày 07/11/2013 đến ngày 22/11/2013 được cho tại ngoại, đến ngày 29/4/2014 bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh. Bị cáo được tại ngoại và có đơn đề nghị xét xử văng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Thị T:* Ông Trần Quang A – Luật sư của Văn phòng luật sư Trần Quang A thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang; địa chỉ: Số 10 THĐ, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Bà Phạm Thị Bích H, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp LT, xã LĐB, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1957; địa chỉ: Ấp LT, xã LĐB, huyện CM, tỉnh An Giang (đã chết)

+ Bà Nguyễn Thị Th (Th), sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp LT1, xã LG, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Quốc B, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp LT1, xã LG, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

+ Ông Trương Ra B1 (vắng mặt);

+ Ông Nguyễn Văn S (vắng mặt);

+ Ông Trương Thái S1 (vắng mặt);

+ Ông Trần Văn Đ (H) (có mặt);

+ Bà Nguyễn Thị U (N) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa tháng 7/2013, T bắt đầu nảy sinh ý định gom phơi số đề giao nộp phơi lại cho người khác nhằm thu lợi. Để thực hiện ý định của mình, T gặp và đồng ý cho bà Nguyễn Thị H1, bà Phạm Thị Bích H và bà Nguyễn Thị Th (Th) bán số để giao nộp phơi cho T để hưởng huê hồng. T giao ước bán mỗi con số đề cao nhất 30.000 đồng, thấp nhất 1.000 đồng, mua 1.000 đồng thì trúng 80.000 đồng, bán số bao lô giao nộp cho T tính tiền 14 lô đến 14,5 lô tùy người nộp. Bán số đề đến khoảng 16 giờ mỗi ngày thì đến nhà của T giao nộp phơi, chỉ nộp phơi chứ không nộp tiền. Sau khi có kết quả xổ số, T sẽ gặp Th, H1 và H tính tiền ăn thua, chung chi; T cho người bán số đề hưởng huê hồng từ 15% đến 17% tiền bán số 02 con lô A và lô B; còn bán số bao lô giao nộp cho T tính tiền 14 lô, người bán số cho người chơi tính tiền cao hơn để hưởng tiền chênh lệch.

Vào ngày 13/8/2013, sau khi bán số đề, khoảng 16 giờ cùng ngày, Th và H trực tiếp đến gặp T giao nộp phơi, còn H1 nhờ cháu Nguyễn Thị N (U) giao phơi cho T dùm H1. Sau khi nhận phơi số đề, T ngồi nghe kết quả xổ số thì bị Công an huyện Chợ Mới đến bắt quả tang, thu giữ tang vật gồm:

- 01 (một) phơi số đề của H với số tiền ghi trong phơi đề là 2.287.000 đồng;

- 01 (một) phơi số đề của Th với số tiền ghi trong phơi đề là 1.798.000 đồng;

- 01 (một) phơi số đề của H1 với số tiền ghi trong phơi đề là 2.820.000 đồng;

- 01 (một) cái radio hiệu Mason;

- 01 (một) máy tính hiệu Casio;

- 09 (chín) cây viết mực;

- 04 (bốn) quyển vở có ghi kết quả xổ số.

Tổng số tiền ghi trong 03 phơi số đề mà T nhận vào ngày 13/8/2013 là 6.905.000 đồng.

Theo Biên bản giám định pháp y số 335/BBPY ngày 26/9/2013 của Tổ chức giám định pháp y và pháp y tâm thần tỉnh An Giang đối với bị cáo Bùi Thị T đã kết luận: Có bệnh: Theo dõi động kinh có rối loạn tâm thần. Hiện tại: Tâm thần ổn, đủ năng lực hành vi.

Ngày 04/11/2013, Bùi Thị T, Phạm Thị Bích H và Nguyễn Thị H1 bị Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Chợ Mới khởi tố, điều tra.

Tại Bản cáo trạng số 02/CT-VKSCM ngày 27/01/2014 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đã truy tố Bùi Thị T về tội "Đánh bạc" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; truy tố Phạm Thị Bích H và Nguyễn Thị H1 về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2014/HS-ST ngày 29/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đã xử phạt Phạm Thị Bích H 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm và Nguyễn Thị H1 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cùng về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Riêng đối với bị cáo Bùi Thị T, Hội đồng xét xử căn cứ vào Biên bản giám định pháp y số 145/BBPY ngày 22/4/2014 của Tổ chức giám định pháp y và pháp y tâm thần tỉnh An Giang đối với bị cáo Bùi Thị T đã kết luận*: "Động kinh có rối loạn tâm thần, bệnh đang toàn phát. Đề nghị điều trị"* nên đã tạm đình chỉ xét xử đối với bị cáo Bùi Thị T và áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với bị cáo Bùi Thị T theo Quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh số 22/2014/HSST-QĐBBCB ngày 29/4/2014.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Bùi Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa phát biểu lời luận tội đề nghị áp dụng Điều 298, 319 và 321 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội để áp dụng Điều luật đối với tội nhẹ hơn để xét xử bị cáo Bùi Thị T từ tội "Đánh bạc" theo điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 sang tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Căn cứ vào tính chất

của vụ án, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như hậu quả xảy ra từ hành vi phạm tội của bị cáo nên đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị T từ 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án.

Về phần xử lý vật chứng đã được giải quyết theo Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2014/HS-ST ngày 29/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang nên không đề cập xử lý.

Luật sư Trần Quang A bào chữa cho bị cáo Bùi Thị T: Việc Kiểm sát viên thay đổi tội danh từ tội nặng chuyển sang tội nhẹ hơn đối với bị cáo là thỏa đáng, đúng với tính chất và tình tiết của vụ án. Đồng thời, Luật sư cũng thống nhất với những tình tiết giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo. Với nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị để xử phạt bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng và chứng cứ trong hồ sơ vụ án: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Chợ Mới, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về Th quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cũng như các chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[1.2] Về trách nhiệm hình sự của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Đối với Phạm Thị Bích H đã bị xử phạt 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm; Nguyễn Thị H1 đã bị xử phạt 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cùng về tội "Đánh bạc" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2014/HS-ST ngày 29/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang nên không đề cập xử lý.

[1.3] Về năng lực trách nhiệm hình sự của bị cáo Bùi Thị T:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan tiến hành tố tụng đã 02 lần trưng cầu giám định về tình trạng tâm thần của bị cáo Bùi Thị T, cụ thể: Biên bản giám định pháp y số 335/BBPY ngày 26/9/2013 của Tổ chức giám định pháp y và pháp y tâm thần tỉnh An Giang đối với bị cáo Bùi Thị T đã kết luận: *"Có bệnh: Theo dõi động kinh có rối loạn tâm thần. Hiện tại: Tâm thần ổn, đủ năng lực hành vi"* và Biên bản giám định pháp y số 145/BBPY ngày 22/4/2014 của Tổ chức giám định pháp y và pháp y tâm thần tỉnh An Giang đối với bị cáo Bùi Thị T đã kết luận: *"Động kinh có rối loạn tâm thần, bệnh đang toàn phát. Đề nghị điều trị"*. Tuy nhiên, căn cứ Công văn số 15/PYTT ngày 19/8/2021 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ xác định "*Biên bản giám định pháp y số 145/BBPY ngày 22/4/2014 của Tổ chức Giám định pháp y và pháp y tâm thần tỉnh An Giang kết luận bị cáo có bệnh tâm thần nhưng không kết luận có làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi hay không, nên không đủ cơ sở để xác định có thuộc trường hợp bắt buộc chữa bệnh hay không"*. Các văn bản này đã thể hiện được tại thời điểm phạm tội, bị cáo Bùi Thị T có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Mặt khác, sau khi Tòa án ban hành Quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Chợ Mới đã tiến hành thực hiện theo quyết định của Tòa án vào các ngày 17/7/2019 và 22/8/2019 nhưng không thực hiện được do bị cáo Bùi Thị T và gia đình không chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh của Tòa án, đồng thời, tại Biên bản xác minh ngày 17/9/2021 thể hiện trong quá trình sinh sống tại địa phương thì bị cáo Bùi Thị T vẫn sinh hoạt bình thường. Do đó, có đủ cơ sở xác định, bị cáo Bùi Thị T không thuộc trường hợp mắc bệnh tâm thần, một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi theo Điều 21 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 mà bị cáo Bùi Thị T thuộc trường hợp *"người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình"*.

[1.4] Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng vắng mặt không rõ lý do, mặc dù Tòa án đã tống đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy, đối với bà Nguyễn Thị H1 là đồng phạm với bị cáo Bùi Thị T nhưng đã bị xét xử theo Bản án hình sự sơ Th số 17/2014/HS-ST ngày 29/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang và hiện nay cũng đã chết nên trách nhiệm hình sự của bà Nguyễn Thị H1 liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Thị T đã chấm dứt; đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác và người làm chứng không cư trú trong khu phong tỏa, khu cách ly để phòng chống dịch Covid – 19 và sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử giải quyết vụ án. Mặt khác, những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ tại phiên tòa. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290; Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Những chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời nhận tội của bị cáo trong giai đoạn điều tra hoàn toàn phù hợp với lời

khai của các đồng phạm đã bị xét xử và người làm chứng; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở để xác định: Do cần tiền tiêu sài, bị cáo Bùi Thị T đã có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức gom phơi đề của nhiều người nhằm thu lợi bất chính. Cụ thể, bị cáo Bùi Thị T thỏa thuận với Nguyễn Thị H1, Phạm Thị Bích H và Nguyễn Thị Th (Thắm) để những người này trực tiếp bán số đề cho người chơi rồi giao lại cho bị cáo để hưởng huê hồng. Hình thức ăn thua dựa trên kết quả xổ số kiến thiết các tỉnh Miền Nam, mỗi con số đề là 02 số cuối cùng của các giải thưởng, Lô A là 02 số của giải tám, Lô B là 02 số cuối của giải đặc biệt, bao lô là 02 số cuối của tất cả 18 dãy số từ giải tám đến giải đặc biệt; tỉ lệ trúng thưởng cho Lô A, Lô B và bao lô là mua 1.000 đồng thì trúng 80.000 đồng. Bị cáo giao ước với những người bán số là mỗi con số đề bán cao nhất 30.000 đồng, thấp nhất 1.000 đồng. Bị cáo cho người bán số đề hưởng huê hồng từ 15% đến 17% tiền bán số 02 con Lô A và Lô B; bao lô thì bị cáo tính tiền cho người bán số đề là 14 lô, người bán số đề cho người chơi sẽ tính tiền cao hơn để hưởng tiền chênh lệch. Đến khoảng 16 giờ mỗi ngày thì những người bán số đến nhà của bị cáo giao nộp phơi, chỉ nộp phơi chứ không nộp tiền. Sau khi có kết quả xổ số, bị cáo sẽ gặp người bán tính tiền ăn thua, chung chi. Sau khi thỏa thuận, trong khoảng thời gian từ giữa tháng 7/2013 đến ngày 13/8/2013, trung bình mỗi ngày số tiền đánh bạc mà Nguyễn Thị H1 bán cho người chơi rồi giao lại cho bị cáo từ 1.000.000 đồng – 2.000.000 đồng, Nguyễn Thị Th bán cho người chơi rồi giao lại cho bị cáo là 1.200.000 đồng, Phan Thị Bích H bán cho người chơi rồi giao lại cho bị cáo từ 1.000.000 đồng – 2.000.000 đồng. Riêng ngày 13/8/2013, bị cáo Bùi Thị T đã bị bắt quả tang với tổng số tiền đánh bạc ghi trong các phơi đề mà bị cáo nhận của H, H1 và Th là 6.905.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Bùi Thị T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tuy nhiên, tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thay đổi điểm, khoản, Điều luật áp dụng đối với bị cáo Bùi Thị T từ tội "Đánh bạc" theo điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 sang tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ bởi lẽ, xem xét toàn diện vụ án, diễn biến lời khai của các đối tượng giao phơi đề cho bị cáo là Phạm Thị Bích H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Th và người thường ngày cộng phơi đề cho bị cáo là Nguyễn Quốc B cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thì không đủ cơ sở chứng minh trong khoảng thời gian từ giữa tháng 7/2013 đến ngày bị bắt quả tang (ngày 13/8/2013), số tiền từng lần tham gia đánh bạc của bị cáo Bùi Thị T từ 5.000.000 đồng trở lên, chỉ chứng minh được ngày bị bắt quả tang thì số tiền bị cáo Bùi Thị T đánh bạc là 6.905.000 đồng nên hành vi của bị cáo Bùi Thị T chỉ thỏa mãn tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, căn cứ Điều 298, 319, 321, 325, 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thay đổi điểm, khoản và Điều luật truy tố bị cáo Bùi Thị T của đại

diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; chỉ xét xử bị cáo Bùi Thị T về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Mọi loại hình sát phạt ăn thua bằng tiền đều được xem là hành vi "Đánh bạc", nó là nguyên nhân làm tiêu tán tài sản, phá vỡ hạnh phúc gia đình, làm phát sinh nhiều loại tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự khác; ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương và cuộc sống bình thường của xã hội.

Đây là một vụ án có đồng phạm nhưng bị cáo Bùi Thị T với các đồng phạm đã bị xét xử không có sự câu kết chặt chẽ, phân công vai trò của từng người nên chỉ là đồng phạm giản đơn nhưng cũng cần phân hóa hành vi, vai trò của bị cáo để khi quyết định có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo Bùi Thị T là một phụ nữ trưởng thành, có sức khỏe và điều kiện làm ăn chân chính. Lẽ ra, bị cáo phải biết cố gắng lao động để tạo ra của cải vật chất một cách chính đáng nuôi sống bản thân và trở thành công dân có ích cho gia đình, xã hội, làm tấm gương tốt cho con cháu noi theo. Thế nhưng không làm được đều này, do ham mê thắng thua bằng hình thức may rủi, muốn có nhiều tiền để tiêu xài mà không phải tốn nhiều công sức lao động cực nhọc nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo đã thỏa thuận với Phạm Thị Bích H, Nguyễn Thị H1 và Nguyễn Thị Th để những người này trực tiếp bán số lô đề cho nhiều người chơi rồi giao phơi lại cho bị cáo để thu lợi bất chính. Trong khoảng thời gian dài từ tháng 7/2013 đến ngày 13/8/2013, bị cáo đã nhiều lần tham gia đánh bạc với hình thức bán số lô đề cho nhiều người thông qua Phạm Thị Bích H, Nguyễn Thị H1 và Nguyễn Thị Th. Trung bình mỗi ngày số tiền đánh bạc Nguyễn Thị H1 bán cho người chơi từ 1.000.000 đồng – 2.000.000 đồng, Nguyễn Thị Th bán cho người chơi là 1.200.000 đồng, Phan Thị Bích H bán cho người chơi từ 1.000.000 đồng – 2.000.000 đồng. Riêng ngày 13/8/2013, bị cáo Bùi Thị T đã bị bắt quả tang với tổng số tiền đánh bạc là 6.905.000 đồng, trong đó, số tiền đánh bạc mà Phan Thị Bích H bán cho người chơi được ghi trong phơi là 2.287.000 đồng; số tiền đánh bạc mà Nguyễn Thị H1 bán cho người chơi được ghi trong phơi là 2.820.000 đồng và số tiền đánh bạc mà Nguyễn Thị Th bán cho người chơi được ghi trong phơi là 1.798.000 đồng.

Bị cáo hoàn toàn nhận thức rõ hành vi bán số lô đề là vi phạm pháp luật và gây ra nhiều hậu quả xấu cho xã hội nhưng vẫn cố ý thực hiện. Trong vụ án, bị cáo là người nhận phơi đề của nhiều người, số tiền bị cáo tham gia đánh bạc nhiều hơn Phạm Thị Bích H và Nguyễn Thị H1 nên mức hình phạt đối với bị cáo cao hơn Phạm Thị Bích H và Nguyễn Thị H1. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, diễn ra trong thời gian dài thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo. Do đó, đối với bị cáo cần phải có một mức án nghiêm mới có đủ

tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội, nhất là trong tình hình các tệ nạn xã hội đang diễn ra ngày càng nhiều và diễn biến ngày càng phức tạp như hiện nay.

Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, không biết chữ; trong quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn, hối cải đối với hành vi vi phạm của bản thân; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 mà Hội đồng xét xử xem xét áp dụng đối với bị cáo. Do bị cáo có nhiều tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra được tại ngoại cho đến nay, cuộc sống đã ổn định, không vi phạm pháp luật gì khác; nếu không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù thì bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo và cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử có cân nhắc, xem xét cho bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện là phải chịu thời gian thử thách dưới sự giám sát của chính quyền địa phương mà không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Đối với vật chứng vụ án đã được giải quyết theo Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2014/HS-ST ngày 29/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang nên không đề cập xử lý.

[5] Án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo Bùi Thị T bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị T phạm tội "Đánh bạc".

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 26/11/2021).

Giao Bùi Thị T cho Ủy ban nhân dân xã Long Kiến, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Bùi Thị T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo Bùi Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, sự tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp;
- CQTHAHS Công an H. Chợ Mới;
- CQĐT Công an H. Chợ Mới;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Bộ phận THAHS Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TH
TH PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phước Sang